TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 09-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Xuân Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Công Ó.

Bà Lê Thị Bống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Nhẫn – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn A, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1967 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn Kh (đã chết) và bà Trần Thị Nh; có vợ Trần Thị Kh và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019; Có mặt.

2. Hà Hữu B, sinh ngày 18 tháng 2 tháng 2000 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn Q và bà Hà Thị H; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

3. Trần Văn C, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1989 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn Ng và bà Hà Thị Kh; có vợ Trần Thị H và 03 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 12/01/2019; Có mặt.

4. Hà Văn D, sinh ngày 06 tháng 1 năm 1976 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn B và bà Hà Thị Ph; có vợ Hà Thị T và 04 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019; Có mặt.

5. Trần Văn E, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1972 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn Tr (đã chết) và bà Hà Thị T (đã chết); có vợ Trần Thị I và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 14/01/2019; Có mặt.

6. Hà Văn F, sinh ngày 02 tháng 3 năm 1982 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 105-QĐ/UBKTHU ngày 24/4/2019 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Phù Yên; tôn giáo: không; con ông Hà Văn Kh và bà Trần Thị Y; có vợ Hà Thị H và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

7. Trần Văn G, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1968 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Hà Thị S (đã chết); có vợ Hà Thị Tr và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

8. Trần Văn H, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1979 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn Kh và bà Trần Thị Ph; có vợ Trần Thị Ng và 03 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

9. Hà Văn I, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1966 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn Á (đã chết) và bà Trần Thị Nh (đã chết); có vợ Hà Thị Ch và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 14/01/2019; Có mặt.

10. Hà Văn J, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn Ng và bà Trần Thị Nh (đã chết); có vợ Hà Thị Nh và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

11. Hà Văn K, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1993 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn S và bà Hà Thị Ph; có vợ Trần Thị Th và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

12. Hà Văn L, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1986 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn

giáo: không; con ông Hà Văn A và bà Trần Thị Nh; có vợ Hà Thị H và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

13. Trần Văn M, sinh ngày 17 tháng 9 năm 1992 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn K và bà Đinh Thị Q; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

14. Trần Văn N, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1976 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Đinh Thị K (đã chết); có vợ Trần Thị H và 02 con; không tiền án, tiền sự; nhân thân: ngày 16/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

15. Trần Văn O, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1999 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn P và bà Trần Thị H; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

16. Trần Văn P, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1974 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Trần Thị Nh; có vợ Trần Thị H và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến ngày 11/01/2019; Có mặt.

17. Hà Văn Q, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1978 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn Ph và bà Hà Thị R; có vợ Hà Thị H và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

18. Hà Trọng R, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1994 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn J và bà Hà Thị Nh; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

19. Hà Văn S, sinh ngày 22 tháng 2 năm 1990 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Hà Văn A và bà Trần Thị Nh; có vợ Trần Thị Lê và 02 con; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

20. Trần Văn T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1992 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể,

tôn giáo: không; con ông Trần Văn H và bà Trần Thị Nh; không tiền án, tiền sự; bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

21. Trần Văn HD, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1970 tại Phù Yên – Sơn La. Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái đoàn thể, tôn giáo: không; con ông Trần Văn Th (đã chết) và bà Trần Thị Nh; có vợ Trần Thị Nhọt và 02 con; không tiền án, tiền sự; nhân thân: ngày 16/01/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc (đã được xóa án tích); bị cáo được tại ngoại; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10h30 ngày 08/01/2019, Hà Văn A, Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Hữu B, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J và Trần Văn G cùng nhau ăn cơm uống rượu tại nhà anh Hà Văn U. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, anh U say rượu đi ngủ, A rủ mọi người đánh bạc và mọi người đều đồng ý. A bảo B chuẩn bị công cụ đánh bạc, B đi xuống bếp dùng dao chặt một đoạn tre trên một chiếc cối gỗ M 04 quân bài hình chữ nhật rồi lấy nhọ nồi bôi vào một mặt của từng quân bài M một mặt màu tối, một mặt sáng rồi nhặt lấy 01 chiếc bát và 01 chiếc đĩa mang lên đặt vào giữa một chiếc chiếu ở sàn nhà để cùng nhau đánh bạc (hình thức xóc đĩa) được thua B tiền. Khi bắt đầu, Trần Văn C là người cầm cái, đánh đến khoảng 14 giờ 30 phút có thêm Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Trần Văn HD, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T lần lượt đến tham gia đánh bạc. Đánh được một lúc, C chuyển cho Hà Văn D cầm cái thay cho C để tiếp tục đánh bạc, đánh được một lúc thì Hà Văn A, Hà Văn Q, Trần Văn C, Trần Văn G, Trần Văn O, Trần Văn HD, Hà Trọng R, Hà Văn S bỏ về trước. O người còn lại đánh bạc đến 16h00 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Phù Yên bắt quả tang, các bị cáo bỏ chạy là Hà Văn D, Hà Hữu B, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn T. Tổ công tác bắt giữ được: Hà Văn K, Trần Văn E, Trần Văn P, Hà Văn F, Trần Văn M, Hà Văn L, Trần Văn N và thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.470.000đ *(Chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)* cùng nhiều vật chứng khác.

Do có hành vi trên, tại bản cáo trạng số: 20/CT-VKS-PY ngày 26/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Hà Văn A và đồng phạm về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ J quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Hà Văn A, Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Hữu B , Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Trần Văn HD, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1,2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Trần Văn H, Hà Hữu B, Hà Văn I, Trần

Văn G, Hà Văn A, Hà Văn D, Hà Văn Q, Trần Văn HD, Hà Văn J, Hà Trọng R, Hà Văn S, Trần Văn T, Trần Văn O, Trần Văn C và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1,2 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo: Hà Văn K, Trần Văn E, Trần Văn P, Hà Văn F, Trần Văn M, Hà Văn L, Trần Văn N.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Hà Văn A, Hà Hữu B từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Văn N, Trần Văn HD từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Văn H, Hà Văn I, Trần Văn G, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Văn J, Hà Trọng R, Hà Văn S, Trần Văn T, Trần Văn O, Trần Văn C, Hà Văn K, Trần Văn E, Trần Văn P, Hà Văn F, Trần Văn M, Hà Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo, do điều kiện khó khăn về thu nhập kinh tế.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.400.000đ *(Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Tịch thu tiêu hủy công cụ phương tiện phạm tội:

- 01 bát sứ, màu trắng viền xanh, bên ngoài in I màu đỏ, đáy bát in chữ màu đen và xanh; 01 đĩa sứ màu trắng, bên trong đĩa in I màu đỏ; 01 Dao kim loại, dài 42cm, lưỡi dao dài 29cm, chuôi dao B gỗ dài 13cm; 01 cối gỗ dài 20cm, rộng 23cm, cao 20cm; 01 chiếu cói kích thước 1,6m x 2m; 04 quân bài hình chữ nhật B tre có kích thước 0,5cm x 0,1cm.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 08/01/2019, các bị cáo Hà Văn A, Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Hữu B , Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Trần Văn HD, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T đã có hành vi đánh bạc B hình thức xóc đĩa tại bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

[3] Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lập hồi 16 giờ ngày 08/01/2019 tại bản C, xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

[4] Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 bát sứ ; 01 đĩa sứ; 01 dao kim loại; 01 cối gỗ; 01 chiếu cói; 04 quân bài hình chữ nhật B tre và số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 10.400.000đ *(Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

[5] Tại kết luận giám định số 124 ngày 20/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là tiền thật.

[6] Lời khai nhận tội của các bị cáo.

[7] Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà Văn A và đồng phạm đã phạm tội đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa với tổng số tiền là 10.400.000đ *(Mười triệu bốn trăm nghìn đồng)* đã vi phạm khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, quy định mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, là J nhân gây ra các loại tội phạm khác. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra để đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

[8] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hà Văn A, Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Hữu B , Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T đều thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Văn N, Trần Văn HD thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hà Văn Q, Hà Văn J có người thân trong gia đình tham gia cách mạng đều được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần giảm nhẹ phần nào hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Hà Văn A và Hà Hữu B là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động N trong gia đình. Mặt khác, tuổi đời bị cáo còn trẻ cần tạo điều kiện, cơ hội cho bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo cũng đảm bảo giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S, Trần Văn T, Trần Văn N, Trần Văn HD. Các bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Xét không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, giao các bị cáo cho N quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục. Tuy nhiên, cần xem xét tính chất, vai trò của mỗi bị cáo khi quyết định hình phạt: Đối với các bị cáo Trần Văn N, Trần Văn HD có một tình tiết giảm nhẹ, còn đối với các bị cáo Hà Văn D, Hà Hữu B, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn T quá trình bắt quả tang không hợp tác. Do vậy, cần xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[09] Vụ án có đồng phạm: Bị cáo Hà Văn A là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hà Hữu B là người giúp sức, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội, các bị cáo khác tiếp nhận ý chí và cùng thực hiện. Nên cần áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[10] Đối với anh Hà Văn U: không biết việc các bị cáo có hành vi đánh bạc tại nhà mình. Do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[11] Về hình phạt bổ sung – Phạt tiền: xét điều kiện hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, thu nhập không ổn định, không có khả năng G hành hình phạt tiền nên cần xem xét không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo: Trần Văn E, Hà Văn L, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T.

Để đảm bảo cho việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và xét tính chất, vai trò các bị cáo Hà Văn A, Hà Hữu B, Trần Văn C, Trần Văn N, Trần Văn HD, Hà Văn D nên cần phạt tiền mỗi bị cáo 3.000.000đ *(Ba triệu đồng).*

[12] Về xử lý vật chứng:

- 01 phòng bì thư niêm phong, mặt trước ghi: *"Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) vật chứng vụ Hà Văn A và đồng phạm đánh bạc"*, là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

- 01 bát sứ, màu trắng viền xanh, bên ngoài in hoa màu đỏ, đáy bát in chữ màu đen và xanh; 01 đĩa sứ màu trắng, bên trong đĩa in hoa màu đỏ; 01 Dao kim loại, dài 42cm, lưỡi dao dài 29cm, chuôi dao B gỗ dài 13cm; 01 cối gỗ dài 20cm, rộng 23cm, cao 20cm; 01 chiếu cói kích thước 1,6m x 2m là tài sản của ông Hà Văn U - chủ sở hữu hợp pháp. Ông U có đề nghị được trả lại các vật chứng, các bị cáo tự ý lấy sử dụng, ông không được biết mục đích sử dụng của các bị cáo nên cần chấp nhận trả lại tài sản cho ông U.

- 04 quân bài hình chữ nhật bằng tre có kích thước 0,5cm x 0,1cm là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn A, Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Hữu B , Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Trần Văn HD, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T phạm tội đánh bạc.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo Hà Văn A, Hà Hữu B mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/5/2019).

Giao các bị cáo cho UBND xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La để giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân xã Mường C trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt các bị cáo Trần Văn N, Trần Văn HD mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn N được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giam giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn N còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt các bị cáo Trần Văn H, Trần Văn T mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn H được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giam giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn H còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt các bị cáo Hà Văn D, Hà Văn I mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.nhưng được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giam giữ bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt các bị cáo Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Hà Trọng R, Hà Văn S mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Hà Văn L, Trần Văn C, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F mỗi bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giam giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành tiếp 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Trần Văn E được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giam giữ bằng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Văn E còn phải chấp hành tiếp 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn J 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn Q 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

5. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mường C, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được Quyết định hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Trần Văn E, Hà Văn L, Trần Văn C, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn N, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Trần Văn HD, Hà Văn D, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T cho UBND xã Mường C giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Mường C trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

- Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 321; điểm e khoản 2, 3 Điều 32; Khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền các bị cáo Hà Văn A, Hà Hữu B, Trần Văn C, Trần Văn N, Trần Văn HD, Hà Văn D mỗi bị cáo 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Trần Văn E, Hà Văn L, Hà Văn I, Trần Văn H, Hà Văn J, Trần Văn G, Hà Văn K, Trần Văn O, Trần Văn P, Trần Văn M, Hà Văn F, Hà Văn Q, Hà Trọng R, Hà Văn S và Trần Văn T.

6. Về vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 phòng bì thư niêm phong, mặt trước ghi: *"Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) vật chứng vụ Hà Văn A và đồng phạm đánh bạc".*

- Trả lại: 01 bát sứ, màu trắng viền xanh, bên ngoài in hoa màu đỏ, đáy bát in chữ màu đen và xanh; 01 đĩa sứ màu trắng, bên trong đĩa in hoa màu đỏ; 01 Dao kim loại, dài 42cm, lưỡi dao dài 29cm, chuôi dao B gỗ dài 13cm; 01 cối gỗ dài 20cm, rộng 23cm, cao 20cm; 01 chiếu cói kích thước 1,6m x 2m cho ông Hà Văn U.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 quân bài hình chữ nhật bằng tre có kích thước 0,5cm x 0,1cm.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09-05-2019).

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND huyện Phù Yên;
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an huyện PY;
- Cơ quan thi hành án HS;
- Trại TG;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- Người có QL, NVLQ;
- UBND xã Mường C;
- Chi cục THADS huyện PY

(Án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Xuân Thủy